

Số: 13/2022/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 444/TTr-SCT ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Công văn số 562/SCT-QLTM ngày 08 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Hiệp hội, Hội DN, Liên minh HTX tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, KTTH, NC-KS, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

QUY ĐỊNH

Nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2022/QĐ-UBND
ngày 22/ 4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Chương trình.

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương, thị trường trong nước.

2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.

3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế so sánh cho một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.

5. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành hàng và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy định này.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân.

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình; có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình gồm: các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có trụ sở chính đặt tại tỉnh Quảng Nam hoặc phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Có văn bản đề nghị tham gia đề án thuộc Chương trình gửi đến đơn vị chủ trì trong thời gian quy định.

c) Ưu tiên các đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; sản phẩm OCOP; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận; các đơn vị được UBND tỉnh công nhận ý tưởng/dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy định này và chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

Điều 5. Quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước về Chương trình.

2. Nội dung quản lý nhà nước về Chương trình.

a) Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy định này.

b) Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại, tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

d) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện tại địa phương.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:
 - a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại tại địa phương.
 - b) Ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành và theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước.
 - c) Đóng góp của các doanh nghiệp tham gia Chương trình.
 - d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
 - đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:
 - a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.
 - b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình; trong cùng một nội dung, không xem xét hỗ trợ kinh phí từ nguồn xúc tiến thương mại này cho đơn vị tham gia đã được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt Chương trình

1. Trước ngày 30 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch, các đơn vị chủ trì gửi đề xuất đề án thực hiện Chương trình đến Sở Công Thương Quảng Nam (qua Phòng Quản lý thương mại).
2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất đề án thực hiện Chương trình của các đơn vị chủ trì.
3. Nội dung thẩm định:
 - a) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - b) Phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.
 - c) Phù hợp với nội dung Chương trình tại Điều 9, 10, 11 Quy định này.
 - d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.
 - đ) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.
 - e) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.
4. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Điều chỉnh Chương trình

1. Trường hợp cần điều chỉnh, thay đổi nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện Chương trình đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và đề xuất phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung, mục tiêu, tiến độ đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Giám đốc Sở Công Thương quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Chương trình.

Chương III

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Hỗ trợ hoạt động kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài.

a) Tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài đối với các sản phẩm, ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh; hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài về dịch vụ logistics.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (gọi tắt là Thông tư số 11/2019/TT-BCT).

b) Tổ chức, tham gia đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Quảng Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp của Quảng Nam; kết nối giao thương tại Quảng Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

d) Tổ chức, tham gia hội nghị quốc tế tại Quảng Nam về ngành hàng xuất khẩu.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

2. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng.

a) Hỗ trợ xây dựng khu vực trung bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

b) Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng.

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng.

d) Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng.

đ) Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng.

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với các quy định tại khoản 2, Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

3. Hỗ trợ các hoạt động phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương.

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Mời đoàn doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào tỉnh Quảng Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức diễn đàn logistics, tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại Quảng Nam.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

4. Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

c) Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

d) Tổ chức hoặc tham gia các Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

đ) Tổ chức, tham gia đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

e) Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

g) Tổ chức hoặc tham gia hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

h) Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Quảng Nam ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

i) Mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu Quảng Nam ở nước ngoài.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

5. Hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

a) Đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

b) Tổ chức, tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến).

Nội dung thực hiện, nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 11/2019/TT-BCT.

6. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và các chương trình quốc gia khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

a) Đối với đơn vị chủ trì: ngoài phần kinh phí ngân sách Trung ương đã hỗ trợ thì được hỗ trợ thêm tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của hội chợ triển lãm; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, chi phí ăn, nghỉ cho đại biểu dự khai mạc; tổ chức hội thảo: thuê hội trường, thiết bị, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; các khoản chi khác (nếu có).

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn nhưng không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động bán hàng, phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

a) Đối với đơn vị chủ trì: hỗ trợ 70% chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức các hoạt động bán hàng; các chi phí khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/01 đợt bán hàng.

b) Đối với đơn vị tham gia: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn, nhưng không quá 10 triệu đồng/01 đơn vị.

3. Chi điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa, dịch vụ Quảng Nam đến người tiêu dùng trong nước thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí thực hiện sản phẩm truyền thông và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

5. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại; tuần hàng Việt Nam; ngày mua sắm trực tuyến; chương trình hàng Việt; chương trình giới thiệu sản phẩm mới; chương trình giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (gọi tắt là Thông tư 171/2014/TT-BTC).

6. Chi hỗ trợ đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 11. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo

1. Tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Chi phí vận chuyển; Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/1 phiên. Riêng đối với phiên chợ đưa hàng Việt ra hải đảo mức hỗ trợ tối đa là 200 triệu đồng/1 phiên.

2. Tổ chức và phát triển hệ thống phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

Tổ chức phiên chợ hàng Việt sang các khu vực biên giới với các tỉnh thuộc nước có chung biên giới: Chi phí thuê mặt bằng, trang trí tổng thể, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 300 triệu đồng/1 phiên.

3. Chi hỗ trợ “Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của Việt Nam và các nước có chung biên giới”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Chi phí mua tư liệu; Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; Chi phí xuất bản và phát hành; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ “Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Tổ chức giao dịch: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

5. Chi hỗ trợ “Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hoá qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo”: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, miền núi và hải đảo về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và hải đảo và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ.

6. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hoá, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo”: Hỗ trợ 100% các chi phí: Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông; Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương

- a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
- c) Tổng kết việc thực hiện Quy định; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định trong trường hợp cần thiết.
- d) Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm các quy định tại Quy định này.

2. Sở Tài chính

Tổng hợp kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy định này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biết, thực hiện.

4. Đơn vị chủ trì

a) Tổ chức thực hiện đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi, mức chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

b) Lựa chọn đối tượng tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của đơn vị phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

c) Khi thực hiện xong đề án, các đơn vị chủ trì phải có báo cáo kết quả gửi về Sở Công Thương.

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

5. Đơn vị tham gia

a) Thực hiện đăng ký tham gia đề án thuộc Chương trình với đơn vị chủ trì theo quy định.

b) Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia đề án cho đơn vị chủ trì.

c) Cung cấp đầy đủ chứng từ, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi đề án thuộc Chương trình kết thúc.

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề gì khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh thì các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, kịp thời phản ánh và gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng thực hiện trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

Phụ Lục

*(Kèm theo Quyết định số 13 /2022/QĐ-UBND
ngày 22/ 4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Mẫu số 01	Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam năm.....
Mẫu số 02	Đề án chi tiết hoạt động xúc tiến thương mại

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / *Quảng Nam, ngày.....tháng.....năm 20.....*
V/v đề xuất Chương trình xúc
tiến thương mại tỉnh Quảng
Nam năm.....

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Quảng Nam

(Tên đơn vị chủ trì) đề xuấtđề án xúc tiến thương mại tỉnh
Quảng Nam nămvới tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là
.....triệu đồng.

(Tên đơn vị chủ trì) gửi kèm đây các tài liệu sau:

1. Danh mục đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng
Nam năm được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ
(hoặc văn bản có giá trị tương đương), báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến
thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.

(Tên đơn vị chủ trì) cam kết tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và
sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Đề nghị Sở Công Thương tiếp nhận, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh
phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐỀ ÁN

Tên đề án:.....

1. Sự cần thiết và căn cứ lập đề án

- Nêu rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.
- Đối với đề xuất tổ chức tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, bổ sung thêm thông tin giới thiệu về hội chợ.

2. Mục tiêu

Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

3. Nội dung

Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện.

4. Phương thức triển khai

Nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.

5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

- Nêu cụ thể thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc đề án.
- Đối với đề án đề xuất trung hạn: xây dựng Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

6. Dự toán kinh phí:

- Tổng dự toán kinh phí:đồng
- Phần đề nghị Nhà nước hỗ trợ:đồng

Đối với đề án trung hạn: xây dựng dự toán chi tiết của từng năm trong giai đoạn.

7. Hiệu quả dự kiến

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của đề án.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)